

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí
trong lĩnh vực xây dựng**

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 10/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 3/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam và Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg ngày 16/01/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 14/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Sau khi có ý kiến của Bộ Xây dựng tại công văn số 29/BXD-KTXD ngày 10/01/2012, Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng như sau:

Điều 1. Đối tượng thu

Đối tượng phải nộp lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài quy định tại Thông tư này, bao gồm:

1. Các cá nhân trong nước và nước ngoài được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (hoặc đơn vị được uỷ quyền) cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Các cá nhân trong nước và nước ngoài được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (hoặc đơn vị được uỷ quyền) cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

3. Các cá nhân trong nước và nước ngoài được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (hoặc đơn vị được uỷ quyền) cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng quy định tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

4. Các nhà thầu nước ngoài được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài trúng thầu tư vấn, xây dựng tại Việt Nam quy định tại Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam và Quyết định số 03/2012/QĐ-TTg ngày 16/01/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-TTg ngày 19/5/2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Mức thu

1. Mức thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng được quy định như sau:

a) Mức thu lệ phí cấp lần đầu quy định như sau:

- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/chứng chỉ.

- Lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/chứng chỉ.

- Lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/chứng chỉ.

b) Mức thu lệ phí cấp lại, cấp bổ sung như sau:

- Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng/chứng chỉ;

- Lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng/chứng chỉ;

- Lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng/chứng chỉ.

2. Lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài: 2.000.000 (hai triệu) đồng/giấy phép.

3. Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài thu bằng Đồng Việt Nam (VNĐ).

Điều 3. Tổ chức thu, nộp và quản lý sử dụng

1. Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài có trách nhiệm đăng ký, kê khai nộp lệ phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

3. Cơ quan thu lệ phí nộp 100% (một trăm phần trăm) tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

Trường hợp uỷ quyền thu, cơ quan thu lệ phí được trích để lại 50% (năm mươi phần trăm) trên tổng số tiền lệ phí thực thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để chi phí cho việc thu lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc sư, kỹ sư hoạt động xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ giám sát thi công xây dựng; lệ phí cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng và lệ phí cấp giấy phép thầu tư vấn và xây dựng cho nhà thầu nước ngoài theo nội dung chi cụ thể sau đây:

a) Chi phí trực tiếp phục vụ cho việc thu lệ phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, điện thoại, điện, nước, công tác phí, công vụ phí; in (mua) tờ khai, giấy phép, các loại ấn chỉ khác theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành.

b) Chi sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho công tác thu lệ phí.

c) Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc thu lệ phí.

d) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho cán bộ, nhân viên trực tiếp phục vụ công việc thu lệ phí trong đơn vị. Mức trích lập 2 (hai) quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi bình quân một năm, một người tối đa không quá 3 (ba) tháng lương thực hiện nếu số thu cao hơn năm trước và bằng 2 (hai) tháng lương thực hiện nếu số thu thấp hơn hoặc bằng năm trước.

Số còn lại (50%) phải nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4: Tổ chức thực hiện:

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/05/2012. Thay thế Thông tư số 167/2009/TT-BTC ngày 19/8/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xây dựng.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu lệ phí không hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện theo

hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

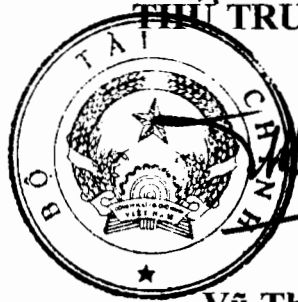
3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Vũ Thị Mai